

Số: /2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày....tháng....năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc không có nguồn nuôi dưỡng thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Học sinh đang học tại trường Phổ thông dân tộc bán trú là người dân tộc thiểu số không thuộc hộ nghèo, thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại các trường phổ thông không thuộc loại hình trường Phổ thông dân tộc nội trú, trường Phổ thông dân tộc bán trú.

d) Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học trình độ cao đẳng, trung cấp có ở nội trú tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp mà chưa được hưởng các chính sách theo quy định của Trung ương.

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức hỗ trợ và thời gian thực hiện

1. Hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em mầm non thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn; trẻ em mầm non người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc không có nguồn nuôi dưỡng thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 160.000 đồng/trẻ/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 09 tháng/năm học.

2. Hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh đang học tại trường Phổ thông dân tộc bán trú là người dân tộc thiểu số không thuộc hộ nghèo, thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 700.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 09 tháng/năm học.

3. Hỗ trợ học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại các trường phổ thông không thuộc loại hình trường Phổ thông dân tộc nội trú, trường Phổ thông dân tộc bán trú: 240.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 09 tháng/năm học.

4. Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi học trình độ cao đẳng, trung cấp có ở nội trú tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp mà chưa được hưởng các chính sách theo quy định của Trung ương; mỗi học sinh, sinh viên được hỗ trợ:

a) 80% mức lương cơ sở/người/tháng; thời gian hỗ trợ: Tối đa 10 tháng/năm học.

b) Hỗ trợ một lần tiền mua đồ dùng cá nhân ở nội trú: 1.000.000 đồng/người/khóa.

c) Hỗ trợ tiền đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại: 200.000 đồng/người/năm.

5. Trường hợp học sinh, sinh viên thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

6. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2026-2027.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT - HSKH.

CHỦ TỊCH